TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST
Ngày: 01/11/2018
V/v *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.
2. Ông Trần Văn Hoa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Minh Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doang thương mại sơ thẩm thụ lý số: 11/2018/TLST-KDTM ngày 17 tháng 4 năm 2018, về: "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐST-DS ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T.
Địa chỉ: 35 H, quận H, thành phố Hà Nội.
Địa chỉ chi nhánh: Ngân hàng T : 2457 đường Đ, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng T .
Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn M - Giám đốc Phòng giao dịch C.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1969 và bà Phạm Thị Trọng T, sinh năm: 1969.
Địa chỉ: Tổ 5, thôn 3, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Nhật K, sinh năm: 1992.
2. Bà Nguyễn Quỳnh N, sinh năm: 1993.
3. Bà Nguyễn Hoàng Kiều O, sinh năm: 2000.

4. Em Nguyễn Đăng Kh, sinh năm: 2002.

Cùng địa chỉ: Tổ 05, thôn 3, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bà Phạm Thị Trọng T, ông Nguyễn Văn A là người đại diện hợp pháp cho em Nguyễn Đăng Kh.

(*Ông M, bà T, ông K, bà O, em Kh có mặt; ông A, bà N vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các văn bản làm việc tại Toà án, nguyên đơn Ngân hàng T do ông Nguyễn Văn M làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số: 01/2015/6872343/HĐTD ký kết ngày 16/01/2015 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị Trọng T cụ thể như sau:

+ Số tiền vay: 150.000.000 đ *(Một trăm năm mươi triệu đồng).*

+ Thời hạn vay: 11 tháng.

+ Mục đích vay vốn: Nuôi heo, trồng tiêu.

+ Lãi suất vay : 9.8%/năm (Điều chỉnh 03 tháng/lần), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay.

Tổng số tiền mà ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị Trọng T đã trả cho Ngân hàng là: 7.479.167 đồng (Trong đó gốc: 0 đồng và lãi: 7.479.167 đồng).

Để đảm bảo số tiền vay trên thì ông A, bà T có thế chấp tài sản sau:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: K 952984 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức cấp ngày 07/10/1997 cho ông Nguyễn Văn A với diện tích 3.498 m^2 (Trong đó gồm 300 m^2 đất thổ cư), tờ bản đồ số 11,18, thửa đất số 1823, 440, 441, 455, 456, đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đã quá hạn nhưng ông A, bà T chưa trả nợ cho Ngân hàng. Đến ngày 01/11/2018 số tiền gốc và lãi mà ông A và bà T chưa thanh toán là: 267. 728.296 đồng, trong đó: Nợ gốc: 150.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 55.740.000 đồng; Lãi quá hạn: 61.988.296 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị Trọng T trả cho Ngân hàng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 01/11/2018 là: 267. 728.296 đồng, trong đó: Nợ gốc: 150.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 55.740.000 đồng; Lãi quá hạn: 61.988.296 đồng và số tiến lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng ký với ngân hàng.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị Trọng T không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi một phần tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất diện tích 1.157 m^2 và tài sản gắn liền với đất (Trong đó gồm 300 m^2 đất thổ cư còn lại là đất CLN), thửa số 1823, tờ bản đồ số 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: K 952984 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức cấp ngày 07/10/1997 cho ông Nguyễn Văn A (và có những điều chỉnh ở trang sau), đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trong trường hợp tài sản phát mãi tài sản không đủ để trả nợ thì ông Nguyễn Văn A, bà Phạm Thị Trọng T phải trả khoản nợ còn lại cho ngân hàng.

Tại các văn bản làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị Trọng T trình bày:

Do có nhu cầu bổ sung vốn nuôi heo, trồng tiêu nên ngày 16/01/2015, Ông Nguyễn Văn A, bà Phạm Thị Trọng T có ký hợp đồng tín dụng số 01/2015/6872343/HĐTD ngày 16/01/2015 với Ngân hàng T để vay số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn nuôi heo, trông tiêu, thời hạn vay 11 tháng. Lãi suất 9.8%/năm (Điều chỉnh 03 tháng/lần), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay.

Để đảm bảo số tiền vay trên thì bà T, ông A có thế chấp tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: K 952984 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức cấp ngày 07/10/1997 cho ông Nguyễn Văn A với diện tích 3.498 m^2 (Trong đó gồm 300 m^2 đất thổ cư), tờ bản đồ số 11,18, thửa đất số 1823, 440, 441, 455, 456, đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tính đến ngày ngày 01/11/2018 số tiền gốc và lãi mà ông A và bà T chưa thanh toán là: 267. 728.296 đồng, trong đó: Nợ gốc: 150.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 55.740.000 đồng; Lãi quá hạn: 61.988.296 đồng và số tiến lãi phát sinh tiếp theo. Nay bà T đồng ý trả nợ như theo Ngân hàng yêu cầu.

Trong trường hợp không thanh toán được số tiền trên thì bà T đồng ý để ngân hàng phát mãi một phần tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất diện tích 1.157 m^2 và tài sản gắn liền với đất (Trong đó gồm 300 m^2 đất thổ cư còn lại là đất CLN), thửa số 1823, tờ bản đồ số 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: K 952984 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức cấp ngày 07/10/1997 cho ông Nguyễn Văn A (và có những điều chỉnh ở trang sau), đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trong trường hợp tài sản phát mãi không đủ để trả nợ thì bà Phạm Thị Trọng T đồng ý trả khoản nợ còn lại cho ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn A trình bày:

Ông Nguyễn Văn A đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Nhật K, bà Nguyễn Quỳnh N, bà Nguyễn Hoàng Kiều O, em Nguyễn Đăng Kh trình bày: Ông K, bà N, bà O, em Kh là con của ông A, bà T việc ông A, bà T vay tiền của Ngân hàng, có thế chấp tài sản và còn thiếu nợ như Ngân hàng và bà T trình bày. Trong trường hợp ông A, bà T không thanh toán được tiền nợ vay cho Ngân hàng thì ông K, bà N, bà O, em Kh đồng ý cho ngân hàng phát mãi một phần tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 1.157 m^2 và tài sản gắn liền với đất (Trong đó gồm 300 m^2 đất thổ cư còn lại là đất CLN), thửa số 1823, tờ bản đồ số 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: K 952984 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức cấp ngày 07/10/1997 cho ông Nguyễn Văn A (và có những điều chỉnh ở trang sau), đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật nhưng còn chậm so với thời gian quy định. Về nội dung vụ án Ngân hàng kiện yêu cầu ông A, bà T trả cho Ngân hàng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 01/11/2018 là: 267. 728.296 đồng, trong đó: Nợ gốc: 150.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 55.740.000 đồng; Lãi quá hạn: 61.988.296 đồng và số tiến lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng ký với ngân hàng. Yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp nên Tòa án cần xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị Trọng T phải trả số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 01/11/2018 là: 267. 728.296 đồng, trong đó: Nợ gốc: 150.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 55.740.000 đồng; Lãi quá hạn: 61.988.296 đồng và số tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng ký với ngân hàng. Đây là "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng";* nơi cư trú của ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị Trọng T là xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông Nguyễn Văn A vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông A. Bà Nguyễn Quỳnh N vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà N.

Về nội dung tranh chấp:

Ngân hàng T yêu cầu ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị Trọng T phải trả số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 01/11/2018 là: 267.728.296 đồng, trong đó: Nợ gốc: 150.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 55.740.000 đồng; Lãi quá hạn: 61.988.296 đồng và số tiến lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng ký với ngân hàng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng T thấy: Hiện nay ông A không đến Tòa án để làm việc. Bà Phạm Thị Trọng T đồng ý trả số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 01/11/2018 là: 267.728.296 đồng, trong đó: Nợ gốc: 150.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 55.740.000 đồng; Lãi quá hạn: 61.988.296 đồng và số tiến lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng ký với ngân hàng nên cần xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Do đó căn cứ vào Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nay là Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T buộc ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị Trọng T phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 01/11/2018 là: 267.728.296 đồng, trong đó: Nợ gốc: 150.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 55.740.000 đồng; Lãi quá hạn: 61.988.296 đồng và số tiến lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/6872343/HĐTD ngày 16/01/2015.

Về phần tài sản thế chấp:

Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: K 952984 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức cấp ngày 07/10/1997 cho ông Nguyễn Văn A với diện tích 3.498 m^2 (Trong đó gồm 300 m^2 đất thổ cư), tờ bản đồ số 11,18, thửa đất số 1823, 440, 441, 455, 456, đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị Trọng T không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi một phần tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất diện tích 1.157 m^2 (Trong đó có 300 m^2 đất thổ cư còn lại là đất CLN) và tài sản gắn liền với đất, thửa số 1823, tờ bản đồ số 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: K 952984 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức cấp ngày 07/10/1997 cho ông Nguyễn Văn A (và có những điều chỉnh ở trang sau), đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trong trường hợp tài sản phát mãi không đủ để trả nợ thì ông Nguyễn Văn A, bà Phạm Thị Trọng T phải trả khoản nợ còn lại cho ngân hàng.

Đối với tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà ngân hàng tạm nộp và đã chi hết thì Ngân hành đồng ý chịu nên không xem xét xử lý.

Về án phí: Theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà T, ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (sau đây viết tắt là DSST) có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng là 267.728.296 đồng x 5%

= 13.386.414 đồng (Mười ba triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm mười bốn ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng T 4.904.000đ (Bốn triệu chín trăm lẻ bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai số TU/2017/ 0000942 ngày 17/4/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Đức.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nay là Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, buộc ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị Trọng T phải trả cho Ngân hàng T số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 01/11/2018 là: 267.728.296 đồng, trong đó: Nợ gốc: 150.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 55.740.000 đồng; Lãi quá hạn: 61.988.296 đồng và số tiến lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/6872343/HĐTD ngày 16/01/2015.

Về tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: K 952984 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức cấp ngày 07/10/1997 cho ông Nguyễn Văn A với diện tích 3.498 m^2 (Trong đó gồm 300 m^2 đất thổ cư), tờ bản đồ số 11,18, thửa đất số 1823, 440, 441, 455, 456, đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị Trọng T không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi một phần tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất diện tích 1.157 m^2 (Trong đó có 300 m^2 đất thổ cư còn lại là đất CLN) và tài sản gắn liền với đất, thửa số 1823, tờ bản đồ số 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: K 952984 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức cấp ngày 07/10/1997 cho ông Nguyễn Văn A (và có những điều chỉnh ở trang sau), đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trong trường hợp tài sản phát mãi không đủ để trả nợ thì ông Nguyễn Văn A, bà Phạm Thị Trọng T phải trả khoản nợ còn lại cho ngân hàng.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị Trọng T phải nộp số tiền án phí DSST có giá ngạch là 13.386.414 đồng (Mười ba triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm mười bốn ngàn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng T 4.904.000đ (Bốn triệu chín trăm lẻ bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai số TU/2017/ 0000942 ngày 17/4/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Đức.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/11/2018), nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo; đối với ông A, bà N vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thì hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự";)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H.Châu Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan